

Số: 420/2018/CV-CK-SGW.FI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483 Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

**Chênh lệch số liệu trên Bảng cân đối kế toán:**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Giải trình chênh lệch
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>327.564.757.952</b>	<b>287.559.565.465</b>	<b>40.005.192.487</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>100.790.096.566</b>	<b>45.086.169.226</b>	<b>55.703.927.340</b>	
1 Các khoản tương đương tiền	112		98.879.975.597	43.176.048.257	55.703.927.340	
<b>II.</b>	<b>120</b>			<b>56.061.259.130</b>	<b>(56.061.259.130)</b>	Điều chỉnh qua lại chỉ tiêu 123 khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng
Đầu tư tài chính ngắn hạn				56.061.259.130	(56.061.259.130)	
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6		56.061.259.130	(56.061.259.130)	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>193.638.708.823</b>	<b>153.281.377.033</b>	<b>40.357.331.790</b>	
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	24.716.166.274	24.719.347.759	(3.181.485)	Điều chỉnh từ chỉ tiêu 136 sang 131
2 Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	72.494.148.264	32.133.634.989	40.360.513.275	Điều chỉnh cân trừ công nợ Công ty Enviro
3 Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.309.037.923	16.303.845.436	5.192.487	Điều chỉnh tiền truy thu thuế GTGT của quyết toán 2016
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.031.285.730.942</b>	<b>3.031.286.079.684</b>	<b>(348.742)</b>	
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	-	5.200.000.000	(5.200.000.000)	Điều chỉnh từ chỉ tiêu 216 sang 215
2 Phải thu dài hạn khác	216	10.b	146.500.373.374	141.300.373.374	5.200.000.000	
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.288.431.184</b>	<b>14.288.779.926</b>	<b>(348.742)</b>	
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	14.288.431.184	14.288.779.926	(348.742)	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.358.850.488.894</b>	<b>3.318.845.645.149</b>	<b>40.004.843.745</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số liệu trước kiểm toán</b>	<b>Số liệu sau kiểm toán</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Giải trình chênh lệch</b>
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.325.043.525.922</b>	<b>2.285.382.806.101</b>	<b>39.660.719.821</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.318.351.054</b>	<b>99.657.631.233</b>	<b>39.660.719.821</b>	
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	25.712.999.314	25.713.003.868	(4.554)	
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	354.271.502	563.832.294	(209.560.792)	Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp
3 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	20.146.629.899	20.276.344.732	(129.714.833)	Điều chỉnh tăng khoản trích trước lấy vay ngân hàng Vietinbank
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	80.891.649.087	40.891.649.087	40.000.000.000	Điều chỉnh cân trừ công nợ Công ty Enviro
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.033.806.962.972</b>	<b>1.033.462.839.048</b>	<b>344.123.924</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.033.806.962.972</b>	<b>1.033.462.839.048</b>	<b>344.123.924</b>	
1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		216.349.417.726	216.005.293.802	344.123.924	Điều chỉnh tăng chi phí trích trước lãi vay Ngân hàng Vietinbank và thuế TNDN
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.778.144.745	27.434.020.821	344.123.924	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.358.850.488.894</b>	<b>3.318.845.645.149</b>	<b>40.004.843.745</b>	

**Chênh lệch số liệu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh:**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Giải trình chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	27.923.834.564	27.923.834.564	-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		27.923.834.564	27.923.834.564	-	
4. Giá vốn hàng bán	11	25	80.758.999.066	80.758.999.066	-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(52.835.164.502)	(52.835.164.502)	-	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	32.735.352.564	32.735.352.564	-	
7. Chi phí tài chính	22	27	94.925.051.721	95.054.417.812	(129.366.091)	
	23					Điều chỉnh tăng
- Trong đó: Chi phí lãi vay			93.980.352.162	94.109.718.253	(129.366.091)	trích trước chi phí lãi vay
8. Chi phí bán hàng	25	28	6.459.028.393	6.459.028.393	0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	38.797.328.392	38.797.332.946	(4.554)	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(160.281.220.444)	(160.410.591.089)	129.370.645	
11. Thu nhập khác	31	30	200.100.001.092	200.095.550.183	4.450.909	Điều chỉnh bút toán lý máy vi tính
12. Chi phí khác	32	31	12.012.531.849	12.013.273.427	(741.578)	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		188.087.469.243	188.082.276.756	5.192.487	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.806.248.799	27.671.685.667	134.563.132	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	28.104.054	237.664.846	(209.560.792)	Điều chỉnh thuận TNDN phải nộp năm 2018
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.778.144.745	27.434.020.821	344.123.924	

SỐ 34  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chênh lệch số liệu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.806.248.799	27.671.685.667	134.563.132
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	54.139.281.770	54.139.281.770	-
Các khoản dự phòng	03		-	
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(32.735.352.564)	(21.221.652.931)	(11.513.699.633)
Chi phí lãi vay	06	93.980.352.162	94.549.312.985	(568.960.823)
Các khoản điều chỉnh khác	07	(124.390.700.003)	-	(124.390.700.003)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.799.830.164	155.138.627.491	(136.338.797.327)
1 (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	221.039.178.320	132.017.439.165	89.021.739.155
2 (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(10.030.470.169)	(21.544.169.802)	11.513.699.633
3 Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(311.976.922.162)	29.648.223.988	(341.625.146.150)
4 (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	13.788.247.252	(1.278.948.831)	15.067.196.083
5 (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
6 Tiền lãi vay đã trả	14	(65.619.407.246)	(78.589.429.062)	12.970.021.816
7 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.104.054)	(28.104.054)	-
8 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.547.055.222)	(3.802.863.445)	1.255.808.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(136.574.703.117)	211.560.775.450	(348.135.478.567)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				-
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	174.997.240.053	(318.911.477.412)	493.908.717.465
2 Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	(61.261.259.130)	46.261.259.130
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.000.000.000	3.500.000.000	9.500.000.000
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(361.991.000.000)	(240.897.887.350)	(121.093.112.650)
5 Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	38.775.320.000	78.775.320.000	(40.000.000.000)
6 Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.106.686.227	35.481.280.407	(21.374.594.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(136.111.753.720)	(503.314.023.485)	367.202.269.765
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				-
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.867.400.000	103.867.400.000	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	
3 Tiền thu từ đi vay	33	70.624.766.626	264.394.435.397	(193.769.668.771)
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(178.745.255.613)	(409.152.060.526)	230.406.804.913
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.253.088.987)	(40.890.225.129)	36.637.136.142
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(276.939.545.824)	(332.643.473.164)	55.703.927.340
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	377.729.642.390	377.729.642.390	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	100.790.096.566	45.086.169.226	55.703.927.340

645  
TY  
LIÊN  
NHƯ  
GON  
HỒ CH

**Nguyên nhân chênh lệch:**

Tại thời điểm Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn công bố BCTC riêng năm 2017 do công ty lập thì chưa có kiểm toán và sau khi kiểm toán có phát sinh chênh lệch do các nguyên nhân giải trình chi tiết ở trên.

Đồng thời, quan điểm của kiểm toán cho rằng phải phân loại lại các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Bảng Kết quả kinh doanh và dẫn đến các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng thay đổi theo để phản ánh đúng dòng tiền của các hoạt động sau điều chỉnh số liệu tại Báo cáo Cân đối kế toán và Kết quả kinh doanh. Trong đó có giảm chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế tương đương 344 triệu đồng là do kiểm toán điều chỉnh tăng chi phí trích trước lãi vay và thuế TNDN 2017.

Công ty nhận thấy quan điểm của kiểm toán là hợp lý nên đã đồng ý điều chỉnh một số chỉ tiêu trên bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ dẫn đến có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán nêu trên.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- + Như trên
- + Lưu

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Trương Khắc Hoàn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 40

123  
CÔNG TY  
HỮU  
HẠN V  
VI CH  
TỆ



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Anh Thi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2018)
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2017)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)
Ông Bernardo C.Manosca	Giám đốc Kỹ thuật (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2017)
Bà Lourdes Ma Dalusung	Giám đốc Kiểm soát Tài chính (bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2017)
Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2017)
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)
Ông Ramoncito L. Gomez	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Trương Khắc Hoàn**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018*





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032801/2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lương Xuân Trường**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2018-072-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

**Phạm Thị Toan**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2014-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>287.559.565.465</b>	<b>818.541.056.704</b>
<b>I.</b>				
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>45.086.169.226</b>	<b>377.729.642.390</b>
1. Tiền	111		1.910.120.969	377.729.642.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.176.048.257	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>56.061.259.130</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	56.061.259.130	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>153.281.377.033</b>	<b>278.418.967.552</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	24.719.347.759	3.033.256.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	51.460.520	131.785.534.931
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	96.418.080.000	99.918.080.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	32.133.634.989	43.723.242.253
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.146.235)	(41.146.235)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>14.825.308.929</b>	<b>4.794.838.760</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.825.308.929	4.794.838.760
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.305.451.147</b>	<b>157.597.608.002</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	2.001.605.711	140.608.567
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.303.845.436	157.456.999.435
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.031.286.079.684</b>	<b>2.621.882.274.175</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>146.500.373.374</b>	<b>141.668.815.864</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	5.200.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	141.300.373.374	141.668.815.864
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.703.811.186.495</b>	<b>11.330.933.731</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.695.609.749.253	2.612.857.190
- Nguyên giá	222		1.751.140.373.776	4.864.688.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.530.624.523)	(2.251.831.359)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.201.437.242	8.718.076.541
- Nguyên giá	228		9.285.466.272	8.941.616.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.084.029.030)	(223.540.424)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.288.779.926</b>	<b>1.617.065.927.645</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	14.288.779.926	1.617.065.927.645
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>1.164.097.983.611</b>	<b>833.579.596.261</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	16.a	850.000.000.000	498.046.112.650
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.b	119.659.788.611	141.095.288.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.c	194.438.195.000	194.438.195.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.587.756.278</b>	<b>18.237.000.674</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	2.587.756.278	18.237.000.674
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.318.845.645.149</b>	<b>3.440.423.330.879</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.285.382.806.101</b>	<b>2.536.587.712.182</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.657.631.233</b>	<b>304.564.450.277</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	25.713.003.868	195.270.666.330
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		58.945.400	-
3.				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	563.832.294	262.180.793
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	20.276.344.732	15.652.871.854
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	40.891.649.087	1.245.974.378
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	10.410.000.000	88.260.238.095
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.743.855.852	3.872.518.827
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.185.725.174.868</b>	<b>2.232.023.261.905</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	400.000.000.000	600.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	850.000.000.000	630.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	935.725.174.868	1.002.023.261.905
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.033.462.839.048</b>	<b>903.835.618.697</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.033.462.839.048</b>	<b>903.835.618.697</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.160.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.160.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162.330.434.000	119.923.034.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.967.111.246	8.292.910.776
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		216.005.293.802	191.919.673.921
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		188.571.272.981	62.754.207.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.434.020.821	129.165.466.334
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>3.318.845.645.149</b>	<b>3.440.423.330.879</b>

  
Nguyễn Thị Ái  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	27.923.834.564	11.262.415.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		27.923.834.564	11.262.415.137
4. Giá vốn hàng bán	11	25	80.758.999.066	11.377.997.517
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(52.835.164.502)	(115.582.380)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	32.735.352.564	162.934.719.747
7. Chi phí tài chính	22	27	95.054.417.812	4.993.327.914
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.109.718.253	4.914.909.721
8. Chi phí bán hàng	25	28	6.459.028.393	3.742.531.450
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	38.797.332.946	24.917.811.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(160.410.591.089)	129.165.466.094
11. Thu nhập khác	31	30	200.095.550.183	93.383.876
12. Chi phí khác	32	31	12.013.273.427	93.383.636
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		188.082.276.756	240
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.671.685.667	129.165.466.334
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	237.664.846	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.434.020.821	129.165.466.334




Nguyễn Thị Ái  
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
 Kế toán trưởng



  
 Trương Khắc Hoàn  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.671.685.667	129.165.466.334
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	54.139.281.770	978.874.600
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.221.652.931)	(163.163.157.247)
Chi phí lãi vay	06	94.549.312.985	4.914.909.721
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	155.138.627.491	(28.103.906.592)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	132.017.439.165	(42.252.350.918)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(21.544.169.802)	(3.576.064.804)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	29.648.223.988	(52.290.417.476)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.278.948.831)	(2.899.544.383)
Tiền lãi vay đã trả	14	(78.589.429.062)	(27.400.981.483)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.104.054)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.802.863.445)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>211.560.775.450</b>	<b>(156.523.265.656)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(318.911.477.412)	(128.965.356.303)
2. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61.261.259.130)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.500.000.000	100.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(240.897.887.350)	(168.735.412.650)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	78.775.320.000	44.008.160.000
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.481.280.407	26.876.957.027
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(503.314.023.485)</b>	<b>(130.815.651.926)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.867.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	264.394.435.397	449.353.500.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(409.152.060.526)	(60.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(40.890.225.129)</b>	<b>389.353.500.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(332.643.473.164)</b>	<b>102.014.582.418</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>377.729.642.390</b>	<b>275.715.059.972</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>45.086.169.226</b>	<b>377.729.642.390</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 25) là số tiền đã chi đầu tư vào công ty con. Trong đó, khoản chi 220.000.000.000 VND Công ty đã sử dụng để thành lập mới Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN; chi 18.400.000.000 VND để tiếp tục góp vốn vào Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê và khoản tiền còn lại đã dùng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ đã được Công ty chuyển nhượng cho Bà Trương Thu Dung thành công trong tháng 12 năm 2017.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) bao gồm số tiền 28.655.320.000 VND Công ty thu được từ nghiệp vụ thanh lý công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, 10.120.000.000 VND từ nghiệp vụ thanh lý công ty con là Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ và khoản tiền 40.000.000.000 VND Công ty nhận trước từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP về việc Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng trong tương lai số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Dòng tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm (mã số 31) là khoản tiền Công ty thu được từ việc phát hành bổ sung cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd (xem thêm tại thuyết minh số 23).



Nguyễn Thị Ái  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2018



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 VND, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CIIT”) với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng:**

Ngày 03 tháng 01 năm 2017, Công ty đã thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, vốn điều lệ là 240.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã góp 220.000.000.000 vốn điều lệ.

Ngày 05 tháng 01 năm 2017, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 09 tháng 01 năm 2017, Công ty nhận sở cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 07 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Ngày 21 tháng 04 năm 2017, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 1.432.900 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Ngày 7 tháng 12 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 1.012.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ không còn là Công ty con của Công ty kể từ này.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào tám (08) công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

*Các công ty được đầu tư trực tiếp bởi Công ty:*

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	64,89%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Các công ty liên doanh, liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**Các khoản chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	353.569.481	107.451.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.556.551.488	377.622.191.094
Các khoản tương đương tiền (i)	43.176.048.257	-
<b>Cộng</b>	<b>45.086.169.226</b>	<b>377.729.642.390</b>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	56.061.259.130	-
<b>Cộng</b>	<b>56.061.259.130</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn sáu (06) tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	15.031.713.290	-
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	9.252.891.936	1.670.982.540
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	693.071.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	434.742.533	669.203.063
<b>Cộng</b>	<b>24.719.347.759</b>	<b>3.033.256.603</b>

**Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34 - bên liên quan)**

<b>15.420.413.588</b>	<b>388.700.298</b>
-----------------------	--------------------

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	-	121.176.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	51.460.520	10.609.534.931
<b>Cộng</b>	<b>51.460.520</b>	<b>131.785.534.931</b>

**Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34 - bên liên quan)**

<b>-</b>	<b>121.176.000.000</b>
----------	------------------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (i)	95.918.080.000	95.918.080.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	500.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.418.080.000</b>	<b>99.918.080.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (ii)	5.200.000.000	-
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34 - bên liên quan)</b>	<b>101.118.080.000</b>	<b>95.918.080.000</b>

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 08 tháng 05 năm 2015, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro vay để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ. Phụ lục Hợp đồng ký ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã thay đổi lãi suất cho vay của hợp đồng, trước đó lãi suất cho vay bằng lãi suất mà Công ty huy động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành lãi suất vay 0% và toàn bộ cổ tức của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro nhận được từ khoản đầu tư này sẽ được chuyển cho Công ty.

(ii) Trong năm 2017, Công ty đã chuyển khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku với giá trị 5.200.000.000 VND với mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động, lãi suất khoản hỗ trợ được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 1 năm.

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	11.406.410.345	23.160.462.296
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	3.200.000.000	-
Phải thu tiền lãi cho vay	15.677.378.135	13.927.441.342
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.053.400.000	1.018.400.000
Phải thu về cổ tức	470.117.315	431.750.000
Tạm ứng cho nhân viên	205.869.051	2.280.997.422
Phải thu ngắn hạn khác	120.460.143	2.904.191.193
<b>Cộng</b>	<b>32.133.634.989</b>	<b>43.723.242.253</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	141.300.373.374	141.295.510.800
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	373.305.064
<b>Cộng</b>	<b>141.300.373.374</b>	<b>141.668.815.864</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34 - bên liên quan)</b>	<b>170.633.721.547</b>	<b>178.815.164.438</b>

(i) Đây là số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.689.359.094	-	3.661.010.065	-
Công cụ, dụng cụ	50.689.239	-	48.568.099	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	988.345.296	-	988.345.296	-
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
<b>Cộng</b>	<b>14.825.308.929</b>	<b>-</b>	<b>4.794.838.760</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ	1.756.050.534	-
Chi phí tư vấn	220.000.000	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.555.177	140.608.567
<b>Cộng</b>	<b>2.001.605.711</b>	<b>140.608.567</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	2.292.527.239	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	295.229.039	3.140.092.542
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn 1	-	15.067.196.083
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	29.712.049
<b>Cộng</b>	<b>2.587.756.278</b>	<b>18.237.000.674</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	-	4.729.688.549	135.000.000	4.864.688.549
Mua trong năm	-	-	355.000.000	355.000.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	96.532.991.903	1.648.844.348.451	-	1.745.377.340.354
Tăng do phân loại lại tài sản cố định trong năm	-	-	543.344.873	543.344.873
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>96.532.991.903</b>	<b>1.653.574.037.000</b>	<b>1.033.344.873</b>	<b>1.751.140.373.776</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	-	2.221.831.359	30.000.000	2.251.831.359
Khấu hao trong năm	4.825.048.596	48.249.325.000	204.419.568	53.278.793.164
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>4.825.048.596</b>	<b>50.471.156.359</b>	<b>234.419.568</b>	<b>55.530.624.523</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	-	2.507.857.190	105.000.000	2.612.857.190
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>91.707.943.307</b>	<b>1.603.102.880.641</b>	<b>798.925.305</b>	<b>1.695.609.749.253</b>

(i) Trong năm, Công ty đã tạm tăng nguyên giá tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng từ dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Giá trị tạm tăng này sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản được phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.086.624.916 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 là 1.086.624.916 VND).

Nguyên giá tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.745.397.369.445 VND. (xem thuyết minh 21.b)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	8.941.616.965
Mua trong năm	887.194.180
Giảm do phân loại lại tài sản cố định trong năm	(543.344.873)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>9.285.466.272</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	223.540.424
Khấu hao trong năm	860.488.606
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>1.084.029.030</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>	<b>8.718.076.541</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>8.201.437.242</b>

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i)	14.288.779.926	1.610.967.314.710
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận - Gia Lai, công suất 9.500 m3/ ngày đêm	-	6.098.612.935
<b>Cộng</b>	<b>14.288.779.926</b>	<b>1.617.065.927.645</b>

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600 tỷ đồng, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 đồng, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 799.100.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã tạm tăng nguyên giá tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng từ dự án như thuyết minh số 13.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 21, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	2.550.000.000	-	(i)	2.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	49.500.000.000	-	(i)	49.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	105.000.000.000	-	(i)	105.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	321.174.000.000	-	(i)	321.174.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ	-	-	(i)	7.622.112.650	-	(i)
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	10.200.000.000	-	(i)	10.200.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	20.400.000.000	-	(i)	2.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	121.176.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	-	(i)	-	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>850.000.000.000</b>	-		<b>498.046.112.650</b>	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	-	(i)	119.659.788.611	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	-	-	(i)	21.435.500.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>119.659.788.611</b>	-		<b>141.095.288.611</b>	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (ii)	51.284.800.000	-	80.976.000.000	51.284.800.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>194.438.195.000</b>	-		<b>194.438.195.000</b>	-	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được xác định dựa trên giá trị thương vụ thoái vốn khỏi khoản đầu tư này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

(ii) Như đã trình bày tại thuyết minh số 20, ngày 28 tháng 12 năm 2017 Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP. Theo đó Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP trong tương lai. Giá trị hợp lý được xác định theo số lượng nhân với giá bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ mà Công ty đã thỏa thuận hợp theo đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần công ty này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	11.769.224.333	11.769.224.333	5.216.072.973	5.216.072.973
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	5.413.430.062	5.413.430.062	4.287.061.237	4.287.061.237
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.481.994.396	3.481.994.396	100.762.513.540	100.762.513.540
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	-	-	75.156.687.257	75.156.687.257
Phải trả nhà cung cấp khác	5.048.355.077	5.048.355.077	9.848.331.323	9.848.331.323
<b>Cộng</b>	<b>25.713.003.868</b>	<b>25.713.003.868</b>	<b>195.270.666.330</b>	<b>195.270.666.330</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34 - bên liên quan)</b>	<b>12.512.289.779</b>	<b>12.512.289.779</b>	<b>80.960.620.230</b>	<b>80.960.620.230</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	237.664.846	28.104.054	209.560.792
Thuế thu nhập cá nhân	163.527.232	1.404.438.744	1.506.557.219	61.408.757
Thuế tài nguyên	6.710.795	202.838.618	191.784.548	17.764.865
Thuế bảo vệ môi trường	91.942.766	2.639.534.198	2.456.379.084	275.097.880
Các loại thuế, phí khác	-	50.120.092	50.120.092	-
<b>Cộng</b>	<b>262.180.793</b>	<b>4.534.596.498</b>	<b>4.232.944.997</b>	<b>563.832.294</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	12.404.496.469	11.951.403.361
Trích trước chi phí quản lý, vận hành, bảo trì dự án Củ Chi	6.310.088.395	-
Trích trước chi phí dự án	1.201.045.293	3.701.045.293
Các khoản trích trước khác	360.714.575	423.200
<b>Cộng</b>	<b>20.276.344.732</b>	<b>15.652.871.854</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (i)	40.000.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	850.289.000	850.289.000
Bảo hiểm xã hội	5.784.383	364.395.725
Phải trả ngắn hạn khác	35.575.704	31.289.653
<b>Cộng</b>	<b>40.891.649.087</b>	<b>1.245.974.378</b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>		
Phải trả tiền hợp tác đầu tư vào dự án Cù Chi (ii)	630.000.000.000	630.000.000.000
Phải trả về đầu tư góp vốn hợp tác đầu tư (iii)	220.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>850.000.000.000</b>	<b>630.000.000.000</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34 - bên liên quan)</b>	<b>850.000.000.000</b>	<b>630.000.000.000</b>

(i) Đây là số tiền Công ty nhận trước từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP về việc Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng trong tương lai số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

(ii) Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Cù Chi được thực hiện tại Thị trấn Cù Chi và 10 xã lân cận như đã trình bày tại Thuyết minh số 15. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia dự án. Công ty và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi được phân chia lợi nhuận từ dự án với tỷ lệ lần lượt là 0,1% và 99,9%. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại dự án cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi vận hành và hoạt động không muộn hơn 3 năm sau ngày hiệu lực hợp đồng. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

(iii) Đây là số tiền mà Công ty nhận được theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 3 tháng 1 năm 2017 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ tìm kiếm các công ty mục tiêu hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh-HDBank	-	-	40.000.000.000	100.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	-	-	2.000.000.000	6.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>82.000.000.000</b>	<b>155.000.000.000</b>	<b>73.000.000.000</b>	<b>73.000.000.000</b>
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21.b)	10.410.000.000	10.410.000.000			15.260.238.095	15.260.238.095
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.410.000.000</b>	<b>10.410.000.000</b>			<b>88.260.238.095</b>	<b>88.260.238.095</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Vay Ngân hàng</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - CN 11 (i)	694.172.374.871	694.172.374.871	182.394.435.397	129.152.060.526	640.930.000.000	640.930.000.000
<b>Cộng</b>	<b>694.172.374.871</b>	<b>694.172.374.871</b>	<b>182.394.435.397</b>	<b>129.152.060.526</b>	<b>640.930.000.000</b>	<b>640.930.000.000</b>
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(10.410.000.000)	(10.410.000.000)			(15.260.238.095)	(15.260.238.095)
<b>Cộng</b>	<b>683.762.374.871</b>	<b>683.762.374.871</b>			<b>625.669.761.905</b>	<b>625.669.761.905</b>
<b>Trái phiếu</b>						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. HCM (ii)	255.000.000.000	255.000.000.000	-	125.000.000.000	380.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí phát hành	(3.037.200.003)	(3.037.200.003)			(3.646.500.000)	(3.646.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>-</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>376.353.500.000</b>	<b>376.353.500.000</b>
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	-	-			-	-
<b>Cộng</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>251.962.799.997</b>			<b>376.353.500.000</b>	<b>376.353.500.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>935.725.174.868</b>	<b>935.725.174.868</b>	<b>182.394.435.397</b>	<b>254.152.060.526</b>	<b>1.002.023.261.905</b>	<b>1.002.023.261.905</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

(i) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo các hợp đồng sau:

- Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

- Ngày 14 tháng 03 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay không vượt quá 320.330.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi (giai đoạn 2). Khoản vay này có thời hạn trong vòng 180 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Lãi suất vay là lãi suất ngày, được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,8%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

**Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

**Vay dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.410.000.000	15.260.238.095
Trong năm thứ hai	16.120.000.000	61.040.952.381
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	142.450.000.000	183.122.857.143
Sau năm năm	525.192.374.871	381.505.952.381
	<b>694.172.374.871</b>	<b>640.930.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(10.410.000.000)	(15.260.238.095)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>683.762.374.871</b>	<b>625.669.761.905</b>

**Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành**

(ii) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN;

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con, công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	103.200.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	9.180.000	91.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.495.500</b>	<b>347.250.000.000</b>

Ngoài ra Công ty còn thế chấp phần vốn góp 321.174.000.000 VND trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

**Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	85.000.000.000	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	170.000.000.000	255.000.000.000
Sau năm năm	-	-
	<b>255.000.000.000</b>	<b>380.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(3.037.200.003)	(3.646.500.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>376.353.500.000</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày khóa sổ là khoản hỗ trợ không hoàn lại của Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

Khoản Doanh thu chưa thực hiện này sẽ được phân bổ vào thu nhập khác trong vòng 3 năm kể từ năm 2017 (xem thêm tại thuyết minh số 30).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016</b>	<b>583.700.000.000</b>	<b>119.923.034.000</b>	<b>2.342.139.270</b>	<b>74.655.750.599</b>	<b>780.620.923.869</b>
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	129.165.466.334	129.165.466.334
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.950.771.506	(5.950.771.506)	-
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.950.771.506)	(5.950.771.506)
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>	<b>583.700.000.000</b>	<b>119.923.034.000</b>	<b>8.292.910.776</b>	<b>191.919.673.921</b>	<b>903.835.618.697</b>
- Tăng vốn trong năm	61.460.000.000	42.407.400.000	-	-	103.867.400.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.434.020.821	27.434.020.821
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.674.200.470	(1.674.200.470)	-
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.674.200.470)	(1.674.200.470)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>645.160.000.000</b>	<b>162.330.434.000</b>	<b>9.967.111.246</b>	<b>216.005.293.802</b>	<b>1.033.462.839.048</b>

Ngày 21 tháng 04 năm 2017, Đại hội Đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016. Theo đó Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và không chia cổ tức năm 2016.

*Chi tiết vốn góp chủ sở hữu*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH)	50,61%	326.521.780.000	55,94%	326.521.780.000
Vốn góp của cổ đông khác	49,39%	318.638.220.000	44,06%	257.178.220.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>645.160.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>583.700.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

***Thông tin về đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ***

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược là Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. theo Nghị quyết số 01 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 21 tháng 04 năm 2017 và Nghị quyết số 08 Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 05 năm 2017, tăng vốn điều lệ từ 583.700.000.000 VND lên 645.160.000.000 VND, chi tiết như sau:

1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá: 10.000 đồng;
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 6.146.000 cổ phiếu;
4. Giá bán: 16.900 đồng/cổ phiếu;
5. Tổng số số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu: 103.867.400.000 đồng;
6. Ngày bắt đầu chào bán: 23 tháng 05 năm 2017;
7. Ngày hoàn thành việc chào bán: 21 tháng 06 năm 2017;
8. Đối tượng phát hành: Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (MWSAH);

***Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ***

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ này được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính và bổ sung vốn lưu động.

***Mục đích sử dụng vốn thực tế***

Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ Công ty, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này là 103.867.400.000 VND. Theo đó, Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền này để:

- Thanh toán các nghĩa vụ tài chính của Công ty: 95.000.000.000 VND;
- Bổ sung vốn lưu động, chi phí hoạt động của Công ty: 8.867.400.000 VND;

Như vậy, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ Công ty đã được sử dụng đúng mục đích theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được phê duyệt.

***Cổ phần***

	31/12/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng cổ phần đã đăng ký phát hành	64.516.000	58.370.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	64.516.000	58.370.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	64.516.000	58.370.000
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	64.516.000	58.370.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	64.516.000	58.370.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu từ bán công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	363.636.364	972.037.247
Doanh thu cung cấp nước sạch	<u>27.560.198.200</u>	<u>10.290.377.890</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>27.923.834.564</u></b>	<b><u>11.262.415.137</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ từ bán công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	309.090.909	346.275.680
Giá vốn cung cấp nước sạch	<u>80.449.908.157</u>	<u>11.031.721.837</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>80.758.999.066</u></b>	<b><u>11.377.997.517</u></b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017	2016
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.903.528.800	137.435.776.400
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	7.219.820.000	12.259.416.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	<u>12.612.003.764</u>	<u>13.239.527.347</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>32.735.352.564</u></b>	<b><u>162.934.719.747</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	94.109.718.253	4.914.909.721
Chi phí phát hành trái phiếu	439.594.732	-
Phí lưu ký, môi giới và bán chứng khoán	500.104.827	-
Chi phí tài chính khác	<u>5.000.000</u>	<u>78.418.193</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>95.054.417.812</u></b>	<b><u>4.993.327.914</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.356.997.139	2.942.955.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.028.109.899	223.540.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	666.936.000	404.918.238
Các khoản chi phí khác	<u>406.985.355</u>	<u>171.117.472</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>6.459.028.393</u></b>	<b><u>3.742.531.450</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.298.707.803	13.208.994.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	239.720.936	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	171.770.709	-
Chi phí dịch vụ quản lý, bảo dưỡng và vận hành dự án Củ Chi	15.349.847.243	-
Các khoản chi phí khác	9.737.286.255	11.708.817.172
<b>Cộng</b>	<b>38.797.332.946</b>	<b>24.917.811.909</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ khoản hỗ trợ của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh (xem thêm tại thuyết minh số 22)	200.000.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	95.550.183	93.383.876
<b>Cộng</b>	<b>200.095.550.183</b>	<b>93.383.876</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.513.699.633	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	57.103.730	-
Các khoản chi phí khác	442.470.064	93.383.636
<b>Cộng</b>	<b>12.013.273.427</b>	<b>93.383.636</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2017 VND	2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.671.685.667</b>	<b>129.165.466.334</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	637.872.518	669.971.386
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.903.528.800)	(137.435.776.400)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.406.029.385</b>	<b>(7.600.338.680)</b>
Lỗ tính thuế mang sang	(14.358.225.426)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.047.803.959</b>	<b>(7.600.338.680)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	209.560.792	-
Thuế TNDN bị truy thu trong năm	28.104.054	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>237.664.846</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công: Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường, ngành nước.

Bộ phận kinh doanh nước sạch: Cung cấp nước sạch.

S  
S  
C  
C  
H  
E  
V  
Q  
/

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)****Năm 2017**

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công	Kinh doanh nước sạch	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	363.636.364	27.560.198.200	-	27.923.834.564
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>363.636.364</b>	<b>27.560.198.200</b>	-	<b>27.923.834.564</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	309.090.909	80.449.908.157	-	80.758.999.066
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>309.090.909</b>	<b>80.449.908.157</b>	-	<b>80.758.999.066</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>54.545.455</b>	<b>(52.889.709.957)</b>	-	<b>(52.835.164.502)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				32.735.352.564
Chi phí tài chính				95.054.417.812
Chi phí bán hàng				6.459.028.393
Chi phí quản lý doanh nghiệp				38.797.332.946
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				<b>(160.410.591.089)</b>
Thu nhập khác				200.095.550.183
Chi phí khác				12.013.273.427
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				237.664.846
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>27.434.020.821</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**Năm 2016**

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công	Kinh doanh nước sạch	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	972.037.247	10.290.377.890	-	11.262.415.137
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>972.037.247</b>	<b>10.290.377.890</b>	-	<b>11.262.415.137</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	346.275.680	11.031.721.837	-	11.377.997.517
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>346.275.680</b>	<b>11.031.721.837</b>	-	<b>11.377.997.517</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>625.761.567</b>	<b>(741.343.947)</b>	-	<b>(115.582.380)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				162.934.719.747
Chi phí tài chính				4.993.327.914
Chi phí bán hàng				3.742.531.450
Chi phí quản lý doanh nghiệp				24.917.811.909
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				<b>129.165.466.094</b>
Thu nhập khác				93.383.876
Chi phí khác				93.383.636
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>129.165.466.334</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty con
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty cùng tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2017 VND	2016 VND
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Lãi chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	8.750.810.623	20.165.258.400
Mượn tiền trong năm	40.000.000.000	-
Lãi tiền mượn trong năm	132.222.222	-
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku</b>		
Tiền lãi cho vay	212.169.028	-
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á</b>		
Phải trả về dịch vụ kỹ thuật, khảo sát, đấu nối cho dự án Củ Chi	11.180.934.946	6.669.808.374
Thanh toán công nợ trong năm	7.505.503.547	2.994.400.702
Thanh toán khoản hỗ trợ vốn	6.000.000.000	-
Nhận hỗ trợ vốn	2.000.000.000	4.000.000.000
Lãi hỗ trợ vốn phải trả	51.612.329	-
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro</b>		
Hỗ trợ vốn	55.700.000.000	68.500.000.000
Nhận hỗ trợ vốn	40.000.000.000	-
Thu hồi khoản hỗ trợ vốn	15.700.000.000	68.500.000.000
Cung cấp vật tư - phụ kiện	13.665.193.900	-
Chi phí dịch vụ lắp đặt và hàng hóa phải trả	-	5.535.668.200
Phải thu về lãi hỗ trợ vốn	-	8.776.504.320
Phải thu về cổ tức trong năm	-	107.100.000.000
Thanh toán công nợ trong năm	-	4.417.174.245
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê</b>		
Chuyển khoản góp vốn	18.400.000.000	2.000.000.000
Cung cấp dịch vụ tư vấn trong năm	-	353.363.908

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi</b>		
Hỗ trợ vốn	50.000.000	-
<b>Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN</b>		
Chuyển khoản góp vốn	220.000.000.000	-
Nhận tiền hợp tác kinh doanh	220.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ tư vấn trong năm	363.636.364	-
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CI E&amp;C)</b>		
Mua hàng và chi phí thi công công trình phải trả	19.090.874.968	129.227.808.582
Thanh toán công nợ trong năm	94.620.035.721	33.263.698.670
Cung cấp nước sạch trong năm	423.661.850	11.675.455
<b>Giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Mua hàng và dịch vụ phải trả	2.234.263.636	2.176.954.546
Thanh toán công nợ trong năm	2.302.480.000	1.704.335.000
<b>Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>		
Thuê văn phòng và phí quản lý	864.291.770	218.400.000
<b>Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:</b>		
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	15.031.713.290	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	388.700.298	388.700.298
<b>Cộng</b>	<b>15.420.413.588</b>	<b>388.700.298</b>
<b>Các khoản trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	-	121.176.000.000
<b>Các khoản phải thu về cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	95.918.080.000	95.918.080.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	5.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>101.118.080.000</b>	<b>95.918.080.000</b>
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	152.706.783.719	164.455.973.096
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	14.397.558.657	14.359.191.342
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	3.412.169.028	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	67.210.143	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>170.633.721.547</b>	<b>178.815.164.438</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)


*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)


	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	11.769.219.779	5.216.072.973
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	743.070.000	587.860.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	-	75.156.687.257
<b>Cộng</b>	<b>12.512.289.779</b>	<b>80.960.620.230</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>850.000.000.000</b>	<b>630.000.000.000</b>
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm</b>		
	2017	2016
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.014.877.462	2.309.893.848

**35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

  
Nguyễn Thị Ái  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 03 năm 2018